

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2020/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 09 tháng 12 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công  
nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố  
giai đoạn 2021 – 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức  
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ  
tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số  
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội  
quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân  
sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 353/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của  
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí  
và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho  
các huyện, thành phố giai đoạn 2021 - 2025.

**Điều 2.** Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 20/12/2020./.

**Nơi nhận:** Lưu

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp luật của VPCP (b/c);
- Vụ Pháp chế các Bộ: KH&ĐT, TC (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Lưu: VT, TH.

**Bản điện tử:**

- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Công thông tin đại biểu dân cử tỉnh Bắc Giang;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh.



**Lâm Thị Hương Thành**

## QUY ĐỊNH

### Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố giai đoạn 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020  
của HĐND tỉnh)

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng áp dụng: UBND các huyện, thành phố được sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các dự án trong giai đoạn 2021-2025 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### Điều 2. Nguyên tắc phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố giai đoạn 2021-2025

1. Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Là căn cứ lập kế hoạch, giao vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 cho các huyện, thành phố. Đồng thời, là cơ sở để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

3. Bảo đảm công khai, công bằng, minh bạch trong việc phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố.

4. Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; ưu tiên hỗ trợ địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh; đảm bảo việc tổ chức thực hiện được thống nhất, đồng bộ và thuận lợi; đồng thời, đảm bảo phù hợp giữa các vùng miền của địa phương, để tạo động lực phát triển cho các vùng trong giai đoạn 2021-2025 và các năm tiếp theo.

5. Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các dự án thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ bố trí vốn cho các dự án khởi

công mới trong giai đoạn 2021-2025 khi đã đủ thủ tục đầu tư theo đúng quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và các văn bản pháp luật có liên quan; dự án có tổng mức đầu tư từ 03 tỷ đồng trở lên (không bao gồm các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia).

## **Chương II**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 3. Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố**

1. Căn cứ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh) do Trung ương phân bổ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công hàng năm, ngân sách tỉnh phân bổ hỗ trợ cho các huyện, thành phố đầu tư các công trình quan trọng, cấp thiết trên địa bàn.

2. Căn cứ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách tỉnh, các huyện, thành phố xây dựng và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, hàng năm của cấp mình để triển khai thực hiện.

3. Các dự án sử dụng vốn hỗ trợ của ngân sách tỉnh phải được cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo đúng quy định của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

#### **Điều 4. Tiêu chí và định mức tính điểm**

1. Tiêu chí tính điểm căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 7 của Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025.

2. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư

a) Tiêu chí dân số, bao gồm: Dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số năm 2019 của các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm: Tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết).

c) Tiêu chí diện tích, bao gồm: Diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương.

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm: Số đơn vị hành chính cấp xã; số xã khu vực II, III của các huyện, thành phố.

đ) Các tiêu chí bổ sung: Tiêu chí vùng, gồm các vùng chịu tác động của thiên tai; điều kiện, định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở mức độ thuận lợi, khó khăn khác nhau.

3. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể:

a) Tiêu chí dân số, bao gồm: Dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số của các huyện, thành phố năm 2019. Cách tính cụ thể như sau:

Điểm của tiêu chí dân số trung bình:

Số dân trung bình	Điểm
Đến 70.000 người	10
Từ 70.000 người trở lên đến 140.000 người, cứ tăng thêm 10.000 người được tính thêm	1,4
Trên 140.000 người, cứ tăng thêm 10.000 người được tính thêm	0,7

Dân số trung bình của các huyện, thành phố để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2019.

Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số:

Số người dân tộc thiểu số	Điểm
Cứ 10.000 người dân tộc thiểu số được	1

Số người dân tộc thiểu số của các huyện, thành phố để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu điều tra kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019 do Ban Dân tộc rà soát và công bố.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm: Tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết). Cách tính cụ thể như sau:

**Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:**

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 1% hộ nghèo	0,5

Tỷ lệ hộ nghèo được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt kết quả rà soát, thống kê hộ nghèo, cận nghèo năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

- Điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết):

Thu nội địa	Điểm
Các địa phương có số thu nội địa từ 0 đến 100 tỷ đồng	10
Các địa phương có số thu nội địa trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng	3
Các địa phương có số thu nội địa trên 200 tỷ đồng	2

Số thu nội địa trên địa bàn các huyện, thành phố tính số thu do huyện, thành phố trực tiếp thu (không bao gồm số thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, xổ số kiến thiết); số thu nội địa để tính điểm được xác định căn cứ vào dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 do HĐND tỉnh giao.

c) Tiêu chí diện tích: bao gồm diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương. Cách tính cụ thể như sau:

Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên:

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Các địa phương có diện tích tự nhiên đến 150 km <sup>2</sup>	8
Các địa phương có diện tích tự nhiên trên 150 km <sup>2</sup> đến 400 km <sup>2</sup> ; từ 0 đến 150 km <sup>2</sup> được tính 8 điểm, phần còn lại cứ 100 km <sup>2</sup> tăng thêm được tính	4
Các địa phương có diện tích tự nhiên trên 400 km <sup>2</sup> đến 800 km <sup>2</sup> ; từ 0 đến 400 km <sup>2</sup> được tính 18 điểm, phần còn lại cứ 100 km <sup>2</sup> tăng thêm được tính	2
Các địa phương có diện tích tự nhiên trên 800 km <sup>2</sup> ; từ 0 đến 800 km <sup>2</sup> được tính 26 điểm, phần còn lại cứ 100 km <sup>2</sup> tăng thêm được tính	0,5

Diện tích đất tự nhiên của các huyện, thành phố để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2019.

Điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng:

Tỷ lệ che phủ rừng	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng từ 0% đến 40%	0,5
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng từ trên 40% đến 70%	7
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 70%	10

Tỷ lệ che phủ rừng của các huyện, thành phố để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2019.

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm: Số đơn vị hành chính cấp xã; số xã khu vực III; số xã khu vực II của các huyện, thành phố.

Điểm tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Mỗi xã, phường, thị trấn được tính	0,5

Số đơn vị hành chính cấp xã để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Bộ Nội vụ về số đơn vị hành chính cấp xã tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2020.

Điểm tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã khu vực III:

Đơn vị hành chính cấp xã khu vực III	Điểm
Mỗi xã được tính	0,3

Số đơn vị hành chính cấp xã khu vực III để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Ủy ban Dân tộc về số đơn vị hành chính cấp xã khu vực III tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2020.

Điểm tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã khu vực II:

Đơn vị hành chính cấp xã khu vực II	Điểm
Mỗi xã được tính	0,2

Số đơn vị hành chính cấp xã khu vực II để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Ủy ban Dân tộc về số đơn vị hành chính cấp xã khu vực II tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2020.

đ) Tiêu chí bổ sung: Tiêu chí vùng, gồm các vùng chịu tác động của thiên tai; điều kiện, định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở mức độ thuận lợi, khó khăn khác nhau.

Đơn vị hành chính cấp huyện	Điểm
Địa phương thuộc vùng phía Đông	20
Địa phương thuộc vùng phía Bắc	18
Địa phương thuộc vùng Tây Nam	1
Địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm	1

Đơn vị hành chính cấp huyện thuộc các vùng để tính điểm được xác định căn cứ vào Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

#### **Điều 5. Xác định số vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố tính theo điểm số**

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thành phố và tổng số điểm của 10 huyện, thành phố, làm căn cứ để phân bổ hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh. Cách tính cụ thể như sau:

Gọi:

VĐT là tổng vốn đầu tư hỗ trợ cho 10 huyện, thành phố được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Đ là tổng điểm của 10 huyện, thành phố (sau khi đã tính toán).

Đh là số điểm của 1 huyện, thành phố (sau khi đã tính toán).

Vh là số vốn phân bổ cho 1 huyện, thành phố ứng với Đh.

Như vậy, số vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$V_h = \frac{V_{\text{ĐT}}}{\text{Đ}} \times \text{Đ}_h$$

### Chương III

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Căn cứ tổng số vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, tính toán, xác định số vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ để làm cơ sở cho UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm ở cấp mình quản lý.

2. Tổ chức giao vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các huyện, thành phố theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn tại Quy định này.

3. Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát việc quản lý, thực hiện nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố.

### Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Căn cứ số vốn do UBND tỉnh thông báo, tổ chức xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện cùng với kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm của cấp mình quản lý.

2. Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ, UBND các huyện, thành phố lựa chọn danh mục dự án, lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn để phê duyệt chủ trương theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

3. Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả theo đúng quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

### Điều 8. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, có vấn đề mới phát sinh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định. / *Long*

KT, CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Thị Hương Thành